

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
Tel: 02803 829154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtvcpxmlh@yahoo.com.vn
Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)
Địa chỉ: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2012



Thái Nguyên, tháng 03/2013



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

MUC LUC

| STT | NỘI DUNG | TRANG |
|------------|--|-------|
| I | THÔNG TIN CHUNG | 02 |
| 1 | Thông tin khái quát | 02 |
| 2 | Quá trình hình thành và phát triển | 02 |
| 3 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 04 |
| 4 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 05 |
| 5 | Định hướng phát triển | 07 |
| 6 | Các rủi ro | 09 |
| II | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012 | 10 |
| 1 | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 10 |
| 2 | Tổ chức và nhân sự | 11 |
| 3 | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 15 |
| 4 | Tình hình tài chính | 15 |
| 5 | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 17 |
| III | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 18 |
| 1 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 18 |
| 2 | Tình hình tài chính | 19 |
| 3 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 22 |
| 4 | Kế hoạch phát triển trong tương lai | 22 |
| 5 | Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 23 |
| IV | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 24 |
| 1 | Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty | 24 |
| 2 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty | 26 |
| 3 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 26 |
| V | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 29 |
| 1 | Hội đồng quản trị | 29 |
| 2 | Ban kiểm soát | 34 |
| 3 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát | 40 |
| VI | BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 42 |
| 1 | Ý kiến kiểm toán | 47 |
| 2 | Báo cáo tài chính được kiểm toán | 48 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

222
CÔNG TY
XI MĂNG
LA HIÊN
VVM
PMP

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02803.829.154
- Số fax: 02803.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: LHC

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

*** Việc thành lập:**

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

* **Niêm yết:** Công ty chưa nộp hồ sơ đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

*** Giới thiệu về công ty:**



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMI LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:





Trụ sở chính của công ty: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600422240

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phần đầu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao năng lực của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

2.2. Các sự kiện khác trong năm 2012.

- Ngày 01/03/2012 Hội đồng quản trị phát hành thông báo số về việc chốt danh sách cổ đông và quyền tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2012. Ngày chốt danh sách: 20/03/2012 và ngày đại hội: 23/03/2012.

- Ngày 15/08/2012 Hội đồng quản trị phát hành công văn số 044/CV-HĐQT về việc xin ý kiến bầu thay thế thành viên HĐQT.

- Ngày 20/09/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 051/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Đào Hữu Tu đồng thời bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế đối với ông Ngô Ngọc Sơn.

- Ngày 01/10/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 052/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Ngô Ngọc Sơn giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đến hết nhiệm kỳ 2008-2013.

- Ngày 01/11/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 060/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng ủy viên HĐQT giữ chức danh Giám đốc điều hành Công ty cổ phần xi măng La Hiên đến hết nhiệm kỳ 2008-2013 thay thế Ông Lê Quang Bình giám đốc Công ty đương nhiệm được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cử đi nhận nhiệm vụ mới.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác) ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Công ty bán hàng cho trên 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang ...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

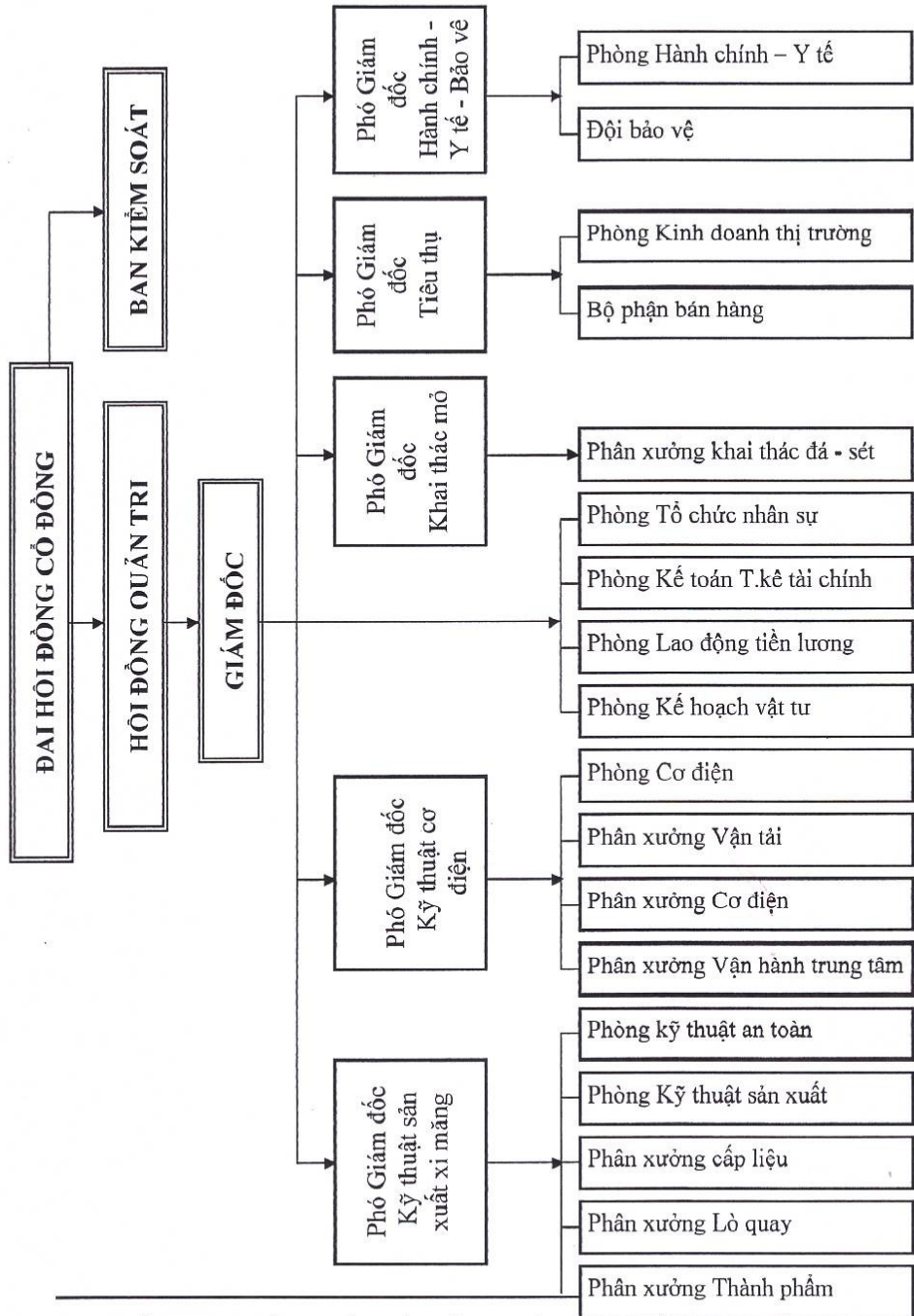
4.1. Mô hình quản trị.

- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomín thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.





TH
M
P
H
C
V
V

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

5. Định hướng phát triển

Trong các năm tiếp theo, Công ty tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những khó khăn để phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra, cung cấp sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đồng thời tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai, tăng tính chủ động trong sản xuất kinh doanh. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Chiến lược về sản phẩm và thị trường:

- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho.
- Ổn định đã phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.
- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- Tích cực trong quản lý thị trường, bám sát những biến động của giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

* Chiến lược đầu tư công nghệ:

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.
- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Trong năm 2013, tiếp tục triển khai các bước còn lại của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông, triển khai đầu tư mới dự án đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường, bộ máy gia nhiệt vòng bi, máy hàn dây và một số dự án dở dang chuyển tiếp.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**

- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong Công ty.

- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu. Phát huy cao tinh thần kỷ luật – đồng tâm.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án gia công chế tạo sản phẩm tận dụng từ các nguồn vật tư, nguyên liệu của Công ty để cung cấp các sản phẩm bán ra ngoài thị trường cũng như phục vụ dây chuyền sản xuất của Công ty nhằm đa dạng hóa sản phẩm cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

- Phân đầu phát triển mạnh thương hiệu xi măng La Hiên theo một số tiêu chí:

+ Chất lượng cao và ổn định.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- + Giá cả cạnh tranh.
- + Thị phần lớn.
- Mở rộng và cơ cấu lại thị trường, lựa chọn thị trường tiềm năng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.
- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, duy trì hệ thống xử lý nước thải, chất thải đúng quy định.
- Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.

*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.
- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

6. Các rủi ro:

- Nền kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn, tăng trưởng kinh tế không cao.
- Sản phẩm dư thừa nhiều, cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty trong vùng (giành khách hàng, hạ giá bán dưới giá thành...)
- Giá cả vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng như than, điện, xăng dầu...
- Biến động của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ (USD) tăng.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Trong năm Công ty đã không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra do thị trường tiêu thụ sản phẩm khó khăn, tuy nhiên vẫn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống.

- Trong năm Công ty cũng đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH năm 2012 | TH năm 2012 | % TH/KH 2012 | % TH 2012 2011 |
|-----------|---------------------------------|------------|-------------------|-------------------|-----------------|----------------|
| A | Chỉ tiêu hiện vật | | | | | |
| I | Sản lượng sản xuất | Tấn | 800.000 | 723.834,14 | 90,47% | 97,60% |
| 1 | Xi măng | “ | 784.762 | 718.454,46 | 91,55% | 98,38% |
| 2 | Clinker thương phẩm | “ | 15.238 | 5.379,68 | 35,30% | 47,46% |
| II | Sản lượng tiêu thụ | “ | 800.000 | 724.142,14 | 90,51% | 97,69% |
| 1 | Xi măng | “ | 784.762 | 718.762,46 | 91,59% | 98,47% |
| 2 | Clinker thương phẩm | “ | 15.238 | 5.379,68 | 35,3% | 47,46% |
| B | Doanh thu, Thu nhập khác | | 768.579,00 | 658.627,22 | 85,69% | 99,64% |
| 1 | Xi măng | Tr.đ | 757.496,84 | 641.263,72 | 84,66% | 98,87% |
| 2 | Clinker thương phẩm | Tr.đ | 11.082,16 | 3.718,73 | 33,56% | 47,32% |
| 3 | Doanh thu khác | Tr.đ | | 13.644,76 | | 299,84% |
| C | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 6.966,00 | (9.962,96) | (143,02) | |
| D | Cổ tức | | 5% | 0% | | |
| G | Nộp NS nhà nước | Tr.đ | 16.000,00 | 21.706,72 | 135,67% | 108,65% |
| E | Lao động và thu nhập | | | | | |
| 1 | Lao động bình quân | Người | 922 | 854 | 92,62% | 94,78% |
| 2 | Thu nhập bình quân | đ/ng/th | 4.619.216 | 4.669.679 | 101,09% | 101,38% |



* Nguyên nhân chủ yếu không hoàn thành kế hoạch năm và thấp hơn năm liền kề:

- Năm 2012 trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới biến động rất phức tạp và khó khăn nhiều hơn năm 2011. Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát, hệ quả là cầu nội địa giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất tín dụng cao, doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, sản xuất khó khăn.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng không tránh khỏi những khó khăn đó. Về chi phí giá cả vật tư đầu vào có nhiều biến động do Nhà nước điều chỉnh tăng giá xăng dầu, tăng giá điện. Giá than tăng và sự tăng giá của các vật tư, nguyên vật liệu đầu vào làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, trong khi đó giá bán sản phẩm tăng không đáng kể do cung nhiều hơn cầu, sản phẩm chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Điều đó đã làm giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 30/11/1991 Nơi cấp: Công an Bắc Thái.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,123%

2.1.2 Ông Nông Nhật Ba:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 11/02/1967

Quê quán: Xã Đại Đồng, Huyện Trảng Định, Tỉnh Lạng Sơn.

Quốc tịch: Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiền – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Số CMND: 090.590.440 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.
Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,049%

2.1.3 Ông Bùi Xuân Hồng:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI
Giới tính: Nam
Ngày/tháng/năm sinh: 22/05/1956
Quê quán: Xã Thụy Hương, Huyện An Thụy, Hải Phòng
Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.508.520 Ngày cấp: 28/04/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú: Thị trấn Chùa Hang, Đồng Hỷ, Thái Nguyên.
Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,271%

2.1.4 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI
Giới tính: Nam
Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965
Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.
Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên
Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,117%

2.1.5 Ông Nguyễn Văn Tập:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI
Giới tính: Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mô

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057%

2.1.6 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,042%

2.1.7 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.156

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,1%



2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Theo quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt bắc và chức năng nhiệm vụ được phân công, ngày 20/09/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 051/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Đào Hữu Tu đồng thời bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế đối với ông Ngô Ngọc Sơn. Ngày 01/10/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 052/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Ngô Ngọc Sơn giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đến hết nhiệm kỳ 2008-2013.

- Theo đơn từ nhiệm của ông Lê Quang Bình nguyên là giám đốc điều hành của Công ty. Ngày 01/11/2012 Hội đồng quản trị họp và ra nghị quyết số 060/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng ủy viên HĐQT giữ chức danh Giám đốc điều hành Công ty cổ phần xi măng La Hiên đến hết nhiệm kỳ 2008-2013 thay thế Ông Lê Quang Bình được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cử đi nhận nhiệm vụ mới.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn công ty tại thời điểm 31/12/2012: 839 người, trong đó:

| | |
|--|-----------|
| + Cán bộ quản lý: | 65 người |
| + Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ: | 50 người |
| + Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ: | 15 người |
| + Nhân viên phục vụ: | 16 người |
| + Công nhân lao động: | 693 người |

Và có các trình độ chuyên môn sau:

| | |
|-------------------------------|-----------|
| + Trình độ Thạc sỹ: | 01 người |
| + Trình độ đại học, cao đẳng: | 178 người |
| + Trình độ trung cấp: | 64 người |
| + Công nhân kỹ thuật: | 585 người |
| + Lao động phổ thông: | 11 người |

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.



- Có chính sách lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

+ Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động.

+ Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

+ Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt.

+ Tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Các khoản đầu tư được thực hiện trong năm 2012:

- Đã hoàn thiện đưa vào sử dụng và quyết toán đường giao thông nội bộ giai đoạn I với giá trị đầu tư 2.972 triệu đồng.

- Đã hoàn thiện đưa vào sử dụng một phần đường giao thông nội bộ giai đoạn II với giá trị đầu tư 1.122 triệu đồng.

- Đã hoàn thiện đưa vào sử dụng việc mua sắm một số máy móc thiết bị phục vụ công tác, quản lý như máy cắt Plasma; máy phân tích rung động và cân bằng động; máy in phun mã hiệu trên vỏ bao xi măng với giá trị đầu tư 962,5 triệu đồng.

- Tăng tài sản vô hình từ đền bù giải phóng mặt bằng mỏ đá vôi Đồng Chuông với giá trị đầu tư 16.089,25 triệu đồng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

ĐVT: Triệu đồng



| STT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|------------|-------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 770.292,79 | 738.613,89 | 95,89% |
| 2 | Doanh thu thuần | 658.791,82 | 646.004,07 | 98,06% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 342,19 | (20.330,85) | |
| 4 | Lợi nhuận khác | (162,4) | 10.367,89 | |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 179,79 | (9.962,96) | |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 14,18 | (9.962,96) | |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | |

- Các chỉ tiêu khác:

Không có.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|---------|
| 1 | <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i> | | | |
| + | Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 0,44 | 0,41 | |
| + | Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 0,25 | 0,18 | |
| 2 | <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i> | | | |
| + | Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,87 | 0,87 | |
| + | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 7,00 | 6,57 | |
| 3 | <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i> | | | |
| + | Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | 14,99 | 12,79 | |
| + | Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,86 | 0,87 | |
| 4 | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,00002 | (0,02) | |
| + | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,0001 | (0,1) | |
| + | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng | 0,00002 | (0,01) | |



| | | | | |
|---|---|--------|--------|--|
| | tài sản | | | |
| + | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,0005 | (0,03) | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

| STT | Chỉ tiêu | SL cổ phần | Tỷ lệ % |
|-----|--|------------|---------|
| 1 | Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ: | 10.000.000 | 100% |
| + | Cổ đông lớn | 7.358.250 | 73,583% |
| + | Cổ đông nhỏ | 2.641.750 | 26,417% |
| 2 | Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân | 10.000.000 | 100% |
| + | Cổ đông tổ chức | 5.963.300 | 59,633% |
| + | Cổ đông cá nhân | 4.036.700 | 40,367% |
| 3 | Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài | 10.000.000 | 100% |
| + | Cổ đông trong nước | 10.000.000 | 100% |
| + | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0% |
| 4 | Cổ đông nhà nước và cổ đông khác | 10.000.000 | 100% |
| + | Cổ đông nhà nước | 5.138.300 | 51,383% |
| + | Cổ đông khác | 4.861.700 | 48,617% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.



17/05/2012

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

** Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.*

Phương hướng sản xuất kinh doanh của Công ty được xác định ngay từ những tháng đầu năm, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên diễn biến thị trường có nhiều thay đổi, sản phẩm tiêu thụ trong quý II, quý III và đầu quý IV ảm đạm do nền kinh tế suy giảm cũng như sự dư thừa sản phẩm trong ngành do cung lớn hơn cầu nhiều.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2012 vừa trải qua cũng là một năm hết sức khó khăn đối với công tác sản xuất kinh doanh và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nhận thức rõ được những khó khăn trong việc thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của HĐQT giao. Thương hiệu xi măng La Hiên phải cạnh tranh với nhiều thương hiệu xi măng mới có giá bán thấp đồng loạt tràn vào để chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ của Công ty, gây ra rất nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm. Giá bán sản phẩm thấp, giá cả vật tư nguyên nhiên vật liệu đầu vào luôn biến động tăng mạnh. Chế độ hạch toán chênh lệch tỷ giá thay đổi, chênh lệch tỷ giá không được phân bổ cho các năm (tối đa 5 năm như thông tư 201/2009/TT-BTC) mà phải tính vào hết chi phí trong năm, do vậy trong năm 2012 Công ty đã hạch toán hết chi phí chênh lệch tỷ giá của năm 2011 để lại với số tiền trên 11.277 triệu đồng. Lãi xuất tín dụng cao, khả năng tiếp cận vốn đầu tư khó. Đây là các nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh, làm giảm lãi hoạt động của Công ty.

** Những tiến bộ công ty đã đạt được.*

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty. Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân - cán bộ trong toàn Công ty đã tạo nên không khí thi đua sôi nổi, thúc đẩy hoàn thành công việc được giao.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Bộ phận kỹ thuật đã kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xuất xưởng luôn đạt theo tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát. Điều chỉnh phối liệu hợp lý, kịp thời, có phương án xử lý tốt về phối liệu, phối hợp tốt với các bộ phận liên quan để có phương án chạy lò hợp lý. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra. Do vậy hạn chế tối đa sản phẩm kém chất lượng, đặc biệt là việc điều hành sản xuất hợp lý không để tình trạng ùn tắc, thiếu xi măng cung cấp cho khách hàng những ngày cao điểm.

Bộ phận kế hoạch vật tư đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời. Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng nhanh, đủ về chủng loại, hợp lý về giá, đảm bảo an toàn vật tư tiền vốn của công ty. Công tác ĐTXD đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch đầu tư của HĐQT giao. Năm 2012 do chính sách thắt chặt tiền tệ để giảm lạm phát việc vay vốn giải ngân cho các dự án là hết sức khó khăn nên việc tổ chức thực hiện các dự án ĐTXD năm 2012 phải nghiên cứu thực hiện trước các dự án cần thiết phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Bộ phận tài chính kế toán đã cân đối thu chi, quản lý tốt tiền vốn, sử dụng đồng vốn linh hoạt tiết kiệm tốt lãi vay, bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch ĐTXD để thu xếp vốn. Giải quyết kịp thời việc chi trả lương, thưởng, BHXH, BHYT, thu nộp ngân sách và các chế độ khác cho người lao động, hạch toán, phân tích giá thành sản phẩm chính xác, kịp thời, điều hành tốt công tác tài chính đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Các khoản vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản.

*** Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2012:**

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2012 |
|-----|------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 100.354.015.260 |
| II | Tài sản dài hạn | 638.259.871.361 |
| | Tổng cộng | 738.613.886.621 |

*** Tình hình công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2012:**

Đơn vị: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2012 |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|
| 1 | Phải thu ngắn hạn từ khách hàng | 25.332.169.884 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 47.884.172 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 518.708.472 |
| 4 | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (203.024.809) |
| | Tổng cộng | 25.695.737.719 |

Trong năm 2012 Công ty cũng đã đầu tư thêm một số tài sản thiết yếu nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá trị tài sản tăng trong năm trên 18.994,44 triệu đồng; đồng thời nhượng bán thanh lý các tài sản như 2 dây chuyền lò đứng đã lạc hậu và một số tài sản khác không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn với giá trị trên 8.045,45 triệu đồng.

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được xác nhận đối chiếu với khách hàng và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm có phát sinh công nợ khó đòi với số tiền 30.940.273 đồng do khách hàng phá sản và chuyển địa điểm kinh doanh cũng đã được Công ty trích lập dự phòng và lập hồ sơ gửi cơ quan pháp luật để giải quyết.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên



2.2. Tình hình nợ phải trả

* Dư nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2012:

Đơn vị: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2012 |
|-----|------------------|------------------------|
| I | Nợ ngắn hạn | 246.878.088.472 |
| II | Nợ dài hạn | 394.110.548.817 |
| | | |
| | Tổng cộng | 640.988.637.289 |

* Tình hình công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2012:

Đơn vị: VNĐ

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2012 |
|-----|---|--------------------|
| 1 | Phải trả người bán | 151.055.940.580 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 424.883.425 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 91.545.252 |
| 4 | Phải trả người lao động | 4.108.710.446 |
| 5 | Phải trả nội bộ | 2.132.271.949 |
| 6 | Các khoản phải trả khác | 991.620.012 |
| | <i>Trong đó: + Tiền cổ tức trả cho các Nhà đầu tư</i> | <i>63.373.000</i> |
| | <i>+ Các khoản phải trả khác</i> | <i>928.247.012</i> |
| 7 | Chi phí phải trả | 183.114.657 |
| 8 | Vay và nợ ngắn hạn | 87.800.000.000 |
| 9 | Vay và nợ dài hạn | 394.078.557.508 |
| 10 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 31.991.309 |

* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Do Công ty có chính sách trả tiền chậm cho nhà cung cấp, nên việc công nợ phải trả luân chuyển thường xuyên do đó không có biến động lớn nào về công nợ phải trả.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

*** Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu. Đến thời điểm 31/12/2012 Công ty đang có khoản vay nợ ngoại tệ để thực hiện đầu tư cho các dự án với số tiền: 5.740.022,57USD. Khi nhà nước có thay đổi tỷ giá ngoại tệ lớn cũng sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện chủ trương tinh giảm bộ máy quản lý, trong năm đồng chí Lê Quang Bình nguyên giám đốc Công ty chuyển đi nhận nhiệm vụ tại Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty đã bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Dũng nguyên phó giám đốc thay thế và không bổ nhiệm bổ sung thêm phó giám đốc khác.

- Sát nhập Trạm y tế về phòng Hành chính, phòng Kỹ thuật khai thác đá sét và phòng Kỹ thuật sản xuất xi măng thành phòng Kỹ thuật sản xuất.

- Bổ nhiệm 01 đồng chí cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn vào chức danh quản đốc phân xưởng Vận hành trung tâm.

- Xây dựng chính sách bán hàng, khuyến mại; quy chế quản lý tài chính; quản lý tiền lương; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các quy chế quản lý khác cho phù hợp với thực tiễn và để quản lý tốt hơn tài sản, tiền vốn của Công ty.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ hơn các định mức vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục quảng bá thương hiệu sản phẩm với nhiều hình thức như mở hội nghị khách hàng, biển quảng cáo tầm lớn tại các tuyến đường có nhiều người qua lại, phát quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, in tờ rơi và tích cực tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại của các tỉnh và khu vực tổ chức.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kịp thời toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu sản SXKD chủ yếu đến năm 2017 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
|-----------|---------------------------------|-------------|----------------|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
| A | Chỉ tiêu hiện vật | | | | | | |
| I | Sản lượng sản xuất | Tấn | 750.000 | 750.000 | >750.000 | 770.000 | >770.000 |
| 1 | Xi măng | “ | 744.000 | 744.000 | 744.000 | 760.000 | 760.000 |
| 2 | Clinker thương phẩm | “ | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 10.000 | 10.000 |
| II | Sản lượng tiêu thụ | “ | 750.000 | 750.000 | >750.000 | 770.000 | >770.000 |
| 1 | Xi măng | “ | 744.000 | 744.000 | 744.000 | 760.000 | 760.000 |
| 2 | Clinker thương phẩm | “ | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 10.000 | 10.000 |
| B | Doanh thu, Thu nhập khác | | 692.883 | 692.883 | >692.883 | 710.317 | >710.317 |
| 1 | Xi măng | Tr.đ | 688.956 | 688.956 | 688.956 | 703.772 | 703.772 |
| 2 | Clinker thương phẩm | Tr.đ | 3.927 | 3.927 | 3.927 | 6.545 | 6.545 |
| C | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 7.000 | 10.000 | 11.000 | 14.000 | 15.000 |
| D | Cổ tức | | 5.000 | 7.000 | 8.000 | 10.000 | 11.000 |
| G | Nộp NS nhà nước | Tr.đ | 21.641 | 22.500 | 22.700 | 22.700 | 22.700 |
| E | Lao động và thu nhập | | | | | | |
| 1 | Lao động bình quân | Người | 876 | 876 | 876 | 876 | 876 |
| 2 | Thu nhập bình quân | đ/ng/th | 5.200.000 | 5.400.000 | 5.600.000 | 5.800.000 | 6.000.000 |

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).

Không có



THÁI NGUYÊN
PHÂN
VIỆN
VVMi

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 nhận thức rõ được những khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD của Tổng Công ty và HĐQT giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty ngày càng cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp. Áp lực giảm giá bán liên tục xảy ra để đảm bảo giữ vững thị trường tiêu thụ, điều đó đã làm ảnh hưởng lớn đến doanh số và lợi nhuận của Công ty. Vốn kinh doanh khan hiếm, vốn đầu tư thiếu nguồn chưa được bù đắp, nhu cầu sử dụng vốn lưu động lớn, lãi suất vay vốn cao, tỷ giá ngoại tệ biến động. Thiết bị xi măng lò quay sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều, năng suất và thời gian huy động thiết bị thấp. Số lượng lao động lớn chi số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2012 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Tuy nhiên năm 2012 Công ty cũng được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Công ty và Hội đồng quản trị. Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân- cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:*

Sự cạnh tranh gay gắt của xi măng La Hiên trên thị trường do nguồn cung xi măng dư thừa và tình trạng suy thoái của nền kinh tế nói chung đã làm giảm lượng cầu xi măng trên thị trường. Xi măng La Hiên phải cạnh tranh quyết liệt với các công ty xi măng khác trên thị trường. Một số công ty xi măng tham gia thị trường vẫn chưa có sự thống nhất trong việc quản lý thị trường và tình trạng bán xi măng không đúng vùng tiêu thụ xảy ra khá phổ biến đã là những nguyên nhân giá bán sản phẩm thấp đặc biệt là các thị trường tiêu thụ xi măng như Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Với những diễn biến phức tạp của thị trường tiêu thụ xi măng năm 2012, phòng KDĐT đã có cố gắng bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh giúp Công ty đề ra các chính sách phù hợp để giữ thị trường. Tích cực trong quản lý thị trường, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, tính đến ngày 31/12/2012 sản lượng tiêu thụ thực hiện đạt trên 724.000 tấn, doanh thu tiêu thụ xi măng Clinker đạt trên 645 tỷ đồng. Thu hồi tốt công nợ số dư công nợ của công ty đến 31/12 là 25,3 tỷ đồng.



*** Công tác kỹ thuật công nghệ và điều hành sản xuất:**

Phòng Kỹ thuật cũng đã có những cố gắng lớn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất tăng tỷ lệ pha phụ gia xỉ trong xi măng, giảm tỷ lệ thạch cao nham. Do tăng được tỷ lệ pha phụ gia xỉ nên thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm năm 2012 đều giảm so với thực hiện năm 2011 từ 2 đến 5% tiết giảm được chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Phối hợp tốt với phân xưởng cấp liệu trong điều hành sản xuất và tiếp nhận nguyên vật liệu đổ thẳng, giảm khối lượng xúc, vận chuyển nội bộ trên 100.000 tấn giảm đáng kể chi phí sản xuất.

*** Công tác kế hoạch, khoán quản và kế toán tài chính:**

+ Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

+ Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2012 với tổng giá trị trên 398 tỷ đồng. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, của Tổng Công ty và của Tập đoàn. Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của sản xuất.

+ Phòng KTTKTC : Đã cân đối thu chi, quản lý tốt tiền vốn, sử dụng đồng vốn linh hoạt, bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch ĐTXD thu xếp vốn. Giải quyết kịp thời việc chi trả lương, thưởng, BHXH, BHYT, thu nộp ngân sách và các chế độ khác cho người lao động, điều hành tốt công tác tài chính đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

*** Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương:**

Trong năm 2012 phòng TCNS, LĐTL đã chủ động cùng các đơn vị liên quan cân đối, sắp xếp lại lao động hợp lý. Năm 2012 phòng TCNS đã lập phương án tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy quản lý của công ty trình HĐQT công ty phê duyệt. Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ công tác và trên 700 CNVC được đào tạo an toàn bước 1 giao cho các phân xưởng biên chế vào các vị trí sản xuất. Phòng LĐTL đã tổ chức quản lý và phân phối trên 46 tỷ tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Cty đầy đủ đúng



pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Các phân xưởng SX trong năm nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán. Nhìn chung các phân xưởng sản xuất và phục vụ cơ điện đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất phối hợp nhịp nhàng trong sản xuất của Công ty giao.

*** Khối phục vụ:**

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khoẻ và khám chữa bệnh cho CNVC -LĐ. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, Chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2012 đã có nhiều tiến bộ so với năm 2011. Công tác ATBHLĐ đã được lãnh đạo công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của công ty có 09 người đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

Kết quả năm 2012 công tác AT-VSLĐ của Công ty đã giảm cả về số vụ tai nạn lao động và số người bị thương, không có tai nạn lao động nặng và chết người xảy ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban đầu tuần để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD để đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Mặc dù không đạt kế hoạch SXKD nhưng vẫn giữ được thị trường tiêu thụ, giữ được khách hàng truyền thống.



- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2013 dự báo tiếp tục sẽ là năm đầy khó khăn và thử thách đối với doanh nghiệp Việt Nam. Bắt nguồn từ những khó khăn của thị trường trong năm 2012 và các năm trước đây, trong năm 2013 các yếu tố về lạm phát, tín dụng, lãi suất cho vay sản xuất vẫn tiếp tục giữ mức cao, nguồn cung xi măng trên thị trường vẫn dư thừa nhiều - thị trường tiêu thụ sản phẩm tiếp tục gặp nhiều khó khăn, dây chuyền sản xuất ngày một xuống cấp.

Đánh giá được những khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2013 như sau:

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2013: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 12.442 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như: Dự án mỏ đá vôi Đồng Chuông, đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, hệ thống cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, bộ máy gia nhiệt vòng bi, máy hàn dây.

*** Công tác sản xuất kinh doanh:**

- Công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh giúp Công ty đề ra các chính sách phù hợp để giữ thị trường. Tích cực trong quản lý thị trường, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng với mục tiêu điều hành sản xuất đủ clinker nghiền phục vụ sản lượng tiêu thụ 750.000 tấn. Có các biện pháp cụ thể điều hành nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha phụ gia xỉ trong xi măng, giảm định mức tiêu hao NVL, nhiên liệu.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật để cải tiến vôi đốt than cho lò quay dây chuyền 1 để sử dụng có hiệu quả than cám 4b Khánh Hòa và tăng sử dụng than cám 4a Núi Hồng có nhiệt trị thấp, đồng thời vẫn duy trì được năng suất, chất lượng clinker sản xuất.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Bổ xung hoàn chỉnh đầy đủ các quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng thiết bị. Tăng cường kiểm tra vệ sinh thiết bị. Xây dựng kế hoạch BDSC hợp lý, chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng thiết bị, đây chuyên có kế hoạch cụ thể tăng thời gian huy động của một số thiết bị chủ yếu như lò quay, máy nghiền than, máy nghiền liệu sống, máy nghiền xi măng, công đoạn gia công đá vôi.

- Trang bị đầy đủ công tơ đo đếm điện năng, đo đếm thời gian vận hành cho các công đoạn thiết bị chính, rà soát lại định mức. Áp dụng các biện pháp kiểm soát và điều hành định mức tiêu hao điện năng của một số công đoạn, thiết bị chủ yếu để tiết kiệm chi phí điện năng.

- Tăng cường công tác khoán quản chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các giải pháp mạnh, phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh các ứng dụng, các tiến bộ kho học kỹ thuật, công nghệ mới. Xiết chặt việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật như định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhiên liệu, điện năng theo hướng giảm định mức tiết giảm chi phí 0,5 -1% gắn với mục tiêu thi đua trong quản lý điều hành của các đơn vị từ cấp phòng, phân xưởng, tổ sản xuất và tới từng người lao động.

- Tháo gỡ mọi khó khăn đẩy nhanh việc thực hiện dự án đầu tư thi công XD tuyến đường vận chuyển đá từ mỏ Đòng Chuông ra QL 1B để sớm tổ chức sản xuất, khai thác đá vôi tại mỏ đá Đòng Chuông với sản lượng khai thác 50.000 tấn năm 2013 và tăng sản lượng của các năm tiếp theo để chủ động nguồn cung cấp NVL cho sản xuất.

- Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý đặc biệt là quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất ở các phân xưởng đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty: để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả.

- Thực hiện và đảm bảo công tác kỹ thuật an toàn, BHLĐ trong SX, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các qui trình, qui phạm, nội qui an toàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng qui định của Tập đoàn CN than và khoáng sản Việt nam và Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc Vinacomin về công tác AT-BHLĐ, tránh để xảy ra các sự cố và tai nạn đáng tiếc.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, công tác sáng kiến cải tiến, quản lý tốt chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa TS cấp TĐT. Duy trì tốt và thực hiện có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2008.



CHỖ
DẤU
CHỮ
KÝ

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị ban đầu gồm 05 thành viên, đến ngày 01/11/2012 do thay đổi tổ chức cán bộ trong Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ông Lê quang Bình nguyên thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên chuyển nhận nhiệm vụ mới tại Tập đoàn do vậy HĐQT Công ty còn lại 04 thành viên gồm:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------|---------|-----------------|
| 1 | Ông. Ngô Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT | 0,030% | |
| 2 | Ông. Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên HĐQT | 0,123% | |
| 3 | Ông. Nông Nhật Ba | Ủy viên HĐQT | 0,049% | |
| 4 | Ông. Phạm Mạnh Tiến | Ủy viên HĐQT | 0,066% | Không điều hành |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

| STT | Ngày | Nội dung | Kết quả cuộc họp |
|-----|------------|--|---|
| 01 | 02/01/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v hỗ trợ công nhân chết do TNLD-Anh Dương Thời Bộ PX cơ điện | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 02 | 04/01/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v xem xét kỷ luật đối với ông Lê Bá Chức-PGD | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 03 | 12/01/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v. 1/ tình hình thực hiện SXKD quý IV/2011 2/ Giao kế hoạch SXKD quý I/2012 | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 04 | 23/02/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v Phê duyệt nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu và chi phí lập báo cáo KTKT xây dựng CT cải tạo hệ thống đường giao thông nội bộ giai đoạn II – Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 05 | 26/02/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt giá trị hỗ trợ bồi thường CPMB dự án : Đầu tư XD công trình khai thác mỏ đá với Đồng Chuông- Cty CP XMLH . | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 06 | 26/02/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt dự toán sửa chữa máy gạt T130- Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 07 | 23/03/2012 | Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 08 | 24/03/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành “ Đền bù giải phóng mặt bằng xóm cây bông nhà máy XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

| | | | |
|----|------------|--|---|
| 09 | 10/04/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v : 1/ Xin phê duyệt thanh lý TSCĐ 02 dây chuyền lò đứng . 2/ Cơ cấu các tổ chức nhân sự | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 10 | 16/04/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v 1. Phê duyệt dự toán TĐT TB gầu xích chuyển CLinker SBDF 630 x 76,7 m, mã số Q516. 2. Phê duyệt dự toán TĐT TB máy làm nguội kiểu ghi LBT-850, mã số Q501. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 11 | 20/04/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v thông qua kết quả SXKD quý I/2012 và phê duyệt giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2012. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 12 | 27/04/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư XDCT“ Cải tạo hệ thống đường giao thông nội bộ giai đoạn II Cty CP XMLH” | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 13 | 07/05/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “ Đầu tư thiết bị phục vụ sửa chữa Cty CP XMLH “ | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 14 | 28/05/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt quyết toán sửa chữa máy gạt T130 – Cty CP XMLH | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 15 | 02/06/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt dự toán thí nghiệm, hiệu chỉnh định kỳ thiết bị điện năm 2012 – Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 16 | 08/06/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v 1/ Phê duyệt dự toán TĐT lò quay Ø3 x 48m, mã số Q401 – Cty CP XMLH. 2/ Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cải tạo đường giao thông nội bộ - Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

| | | | |
|----|------------|---|---|
| 17 | 26/07/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt kết quả SXKD quý II/2012. Giao kế hoạch SXKD quý III/2012 | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 18 | 31/07/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phê duyệt giá trị quyết toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng công trình đền bù đất đai, vật kiến trúc vành đai AT mỏ đá La Hiên – Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 19 | 10/08/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v xem xét tổ chức ĐHCĐ bất thường bầu thay thế thành viên HĐQT. Do Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc thay đổi người đại diện theo ủy quyền chủ sở hữu phần vốn tại Công ty CP XMLH | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 20 | 10/08/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v phương án vay vốn ngân hàng TM CP Quân Đội. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 21 | 18/09/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v thanh lý TSCĐ của Cty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 22 | 19/09/2012 | Biên bản kiểm phiếu Cty CP XMLH V/v bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2008-2013 | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 23 | 01/10/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v lấy ý kiến bằng văn bản bầu thay thế thành viên HĐQT của đại hội đồng cổ đông Cty CP XMLH – ông Ngô Ngọc Sơn. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 24 | 01/10/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v: 1/ Xem xét thực hiện SXKD quý III, phê duyệt gai kế hoạch SXKD quý VI/2012. 2/ V/v phê duyệt quy chế tài chính Cty CP XMLH. 3/ Phê duyệt quy chế quản lý và sử dụng quỹ tiền lương Cty CP XMLH. 4/ Xem xét bổ nhiệm cán bộ quản lý chức vụ trưởng phòng vận hành trung tâm đối với đ/c : Vũ Mạnh Hải. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 25 | 29/10/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v: 1/ Tổ chức sắp xếp cơ cấu lại bộ máy quản lý Cty CP XMLH. 2/ V/v xin phê duyệt quy chế khoán quản trị | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

| | | chi phí SXKD của Cty CP XMLH | |
|----|------------|--|---|
| 26 | 01/11/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v: Xem xét đề cử và bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng chức danh Giám đốc Công ty CP XMLH. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 27 | 04/12/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v thống nhất phương án vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân Đội. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |
| 28 | 10/12/2012 | Biên bản họp HĐQT V/v : 1/ Phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ máy làm nguội kiểu ghi LBT – 850 mã số Q501. 2/ QĐ phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ lò quay Ø3 x 48m, mã số Q401. 3/ QĐ phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ gầu xích chuyển Clinker SBDF 630 x 76,7m, mã số Q516. 4/ QĐ phê duyệt quyết toán sửa chữa thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện năm 2012. 5/ Quyết định phê duyệt dự toán TĐT gầu xích chuyển Clinker SBDF 630x105,6 m, mã số LG 15. | HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết |

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, mặc dù Công ty không hoàn thành kế hoạch nhưng vẫn nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường. Lực lượng lao động đáp ứng kịp thời mọi tình thế và hy vọng tương lai phát triển cao khi nền kinh tế hồi phục.

Chỉ đạo việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. So với thời điểm 31/12/2011 Công ty đã giảm được 5% số lao động.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Đến thời điểm 31/12/2012 có 01 thành viên HĐQT độc lập không điều hành hoạt động trong lĩnh vực thị trường, thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường và tiêu thụ sản phẩm đồng thời thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Đến thời điểm 31/12/2012 HĐQT Công ty có 04 thành viên

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lĩnh vực đào tạo |
|-----|----------------------|---------------|--|
| 1 | Ông. Ngô Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT | Kỹ sư cơ điện mô, kỹ sư kinh tế, cử nhân luật. |
| 2 | Ông. Nguyễn Văn Dũng | Ủy viên HĐQT | Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty. |
| 3 | Ông. Nông Nhật Ba | Ủy viên HĐQT | Kỹ sư cơ điện, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty. |
| 4 | Ông. Phạm Mạnh Tiến | Ủy viên HĐQT | Cử nhân kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty. |

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu CP % | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------|-------------------|---------|
| 1 | Bà. Nguyễn Hồng Hạnh | Trưởng ban | 0% | |
| 2 | Ông. Lã Đại Dương | Ủy viên | 0% | |
| 3 | Ông. Nguyễn Xuân Hậu | Ủy viên | 0,028% | |



10/1/2012

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trường BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trường ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Hợp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp kiểm tra tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do trường BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trường BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của HĐQT, các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

*** Các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 2 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của 6 tháng đầu năm 2012.

+ Lần 2 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của năm 2012.

*** Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2012 như sau:**



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
 Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
 Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
 Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
 MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 XI MĂNG LA HIÊN - VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
*Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của
 Công ty cổ phần xi măng La Hiên-VVMI*

- Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp.

- Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ - HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Sau khi kiểm tra việc ghi chép, chứng từ sổ sách kế toán và thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI tại thời điểm 31/12/2012 và công tác quản lý của HĐQT, bộ máy điều hành Công ty như nội dung sau:

1. Kết quả SXKD và tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012;

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|----------|---|-----------------|
| A | Về kết quả kinh doanh | |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 646.004.069.816 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 536.940.596.157 |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 109.063.473.659 |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 140.440.253 |
| 5 | Chi hoạt động tài chính | 63.935.595.947 |
| | Trong đó: Lãi vay | 52.514.728.170 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 47.682.952.331 |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17.916.213.916 |
| 8 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | -20.330.848.282 |
| 9 | Thu nhập khác | 12.482.709.414 |
| 10 | Chi phí khác | 2.114.818.643 |
| 11 | Lợi nhuận khác | 10.367.890.771 |
| 12 | Tổng lợi nhuận trước thuế | -9.962.957.511 |
| B | Thực hiện nghĩa vụ ngân sách | |
| 1 | Số thuế chưa nộp năm trước chuyển sang | 5.742.885.033 |
| 2 | Tổng số thuế phải nộp năm 2012 | 15.757.799.668 |
| 3 | Tổng số thuế đã nộp | 21.706.720.583 |
| 4 | Tổng số thuế còn phải nộp | - 206.035.882 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

| Tài sản và nguồn vốn | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| C | TÀI SẢN | |
| * | | |
| I | Tài sản ngắn hạn | 100.354.015.260 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.746.047.085 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 25.695.737.719 |
| - | Phải thu của khách hàng | 25.332.169.884 |
| - | Trả trước cho người bán | 47.884.172 |
| - | Phải thu khác | 518.708.472 |
| - | Dự phòng nợ phải thu khó đòi | -203.024.809 |
| 4 | Hàng tồn kho | 55.218.760.691 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 5.693.469.765 |
| - | Chi phí trả trước ngắn hạn | 5.345.563.050 |
| - | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 297.581.134 |
| - | Tài sản ngắn hạn khác | 50.325.581 |
| II | Tài sản dài hạn | 638.259.871.361 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | |
| 2 | Tài sản cố định | 631.656.844.415 |
| | Nguyên giá | 954.123.535.804 |
| | Giá trị hao mòn | - 323.739.047.320 |
| - | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 1.272.355.931 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 6.603.026.946 |
| - | Chi phí trả trước dài hạn | 6.482.075.360 |
| - | Tài sản dài hạn khác | 120.951.586 |
| | Cộng tài sản | 738.613.886.621 |
| * | | |
| | NGUỒN VỐN | |
| I | Nợ phải trả | 640.988.637.289 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 246.878.088.472 |
| - | Vay và nợ ngắn hạn | 87.800.000.000 |
| - | Phải trả người bán | 151.055.940.580 |
| - | Người mua trả tiền trước | 424.883.425 |
| - | Thuế và các khoản phải nộp ngân sách | 91.545.252 |
| - | Phải trả công nhân viên | 4.108.710.446 |
| - | Chi phí phải trả | 183.114.657 |
| - | Phải trả nội bộ | 2.132.271.949 |
| - | Các khoản phải trả phải nộp khác | 991.620.012 |
| - | Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 90.002.151 |
| 2 | Nợ dài hạn | 394.110.548.817 |
| - | Vay và nợ dài hạn | 394.078.557.508 |
| - | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 31.991.309 |
| II | Vốn chủ sở hữu | 97.625.249.332 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 97.625.249.332 |
| - | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 100.000.000.000 |



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

| | | |
|---|----------------------------|------------------------|
| - | Thặng dư vốn cổ phần | 464.476.156 |
| - | Quỹ đầu tư phát triển | 3.963.346.758 |
| - | Quỹ dự phòng tài chính | 3.146.199.336 |
| - | Lợi nhuận chưa phân phối | - 9.948.772.918 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | |
| | Cộng nguồn vốn | 738.613.886.621 |

2. Công tác quản lý của HĐQT và bộ máy điều hành:

2.1. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị điều hành hoạt động SXKD của công ty tuân thủ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Triển khai kịp thời, và chỉ đạo công ty tổ chức thực hiện theo các mục tiêu mà nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đã đề ra.
- Theo dõi, bám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục vượt qua những khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ, tài chính do thị trường xi măng trong nước cung vượt cầu, cạnh tranh khốc liệt, giá bán giảm, chi phí đầu vào tăng cao.

2.2. Bộ máy điều hành:

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung trong nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 và thực hiện kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong điều hành SXKD.
- Tìm mọi biện pháp hạ giá thành sản phẩm để có điều kiện cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường trong điều kiện giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, giá bán giảm cụ thể là:
 - + Tổ chức tốt việc qui hoạch kho bãi, quản lý chất lượng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào được chặt chẽ và chất lượng sản phẩm từng công đoạn, kết hợp với bài toán phối liệu có các hệ số hợp lý từ đó chất lượng clinker được nâng cao đã tăng lượng phụ gia xi vào sản xuất xi măng dẫn đến việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kỹ thuật công nghệ đã đạt yêu cầu so với kế hoạch.
 - + Thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận theo chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty.
 - + Tổ chức tốt hệ thống bán hàng, quản lý thị trường chặt chẽ, giá bán linh hoạt, phù hợp tạo điều kiện hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ năm 2013 do Công ty mẹ giao.

Tuy nhiên năm 2012, bộ máy điều hành đã không hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng đạt 90,5%, doanh thu xi măng đạt 83,91% so với kế hoạch. Do vậy không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức theo kế hoạch của Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đề ra.

3. Những hạn chế:



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Trong năm 2012, đơn vị đã đề xảy ra nhiều sự cố thiết bị nên phải dừng lò nhiều lần làm tăng chi phí điện năng, nhiên liệu, nguyên liệu.
- Do có sự cạnh tranh gay gắt về sản phẩm, giá bán xi măng năm 2012 không đạt theo kế hoạch làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của công ty.

Kiến nghị:

- Năm 2013, dự báo kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục khó khăn, sự cạnh tranh gay gắt của các công ty sản xuất xi măng trên địa bàn; để có điều kiện cạnh tranh trên thị trường, tăng hiệu quả SXKD, đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:
 - + Công ty cần xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, chủ động dừng lò sửa chữa thiết bị đúng định kỳ. Tăng cường khâu kiểm tra, kiểm soát thiết bị hoạt động để sớm phát hiện, xử lý kịp thời các sự cố thiết bị có thể xảy ra.
 - + Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý kỹ thuật để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.
 - + Có kế hoạch và biện pháp cụ thể thực hiện tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm.
 - + Giữ vững thị trường tiêu thụ truyền thống, tích cực mở rộng thị trường mới, phát triển nâng cao thương hiệu xi măng La Hiên trên thị trường.
 - + Nghiên cứu chính sách bán hàng khuyến mại hấp dẫn hơn nữa để thu hút khách hàng.
 - + Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công nghệ sản xuất xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 3 năm 2013

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
Nguyễn Hồng Hạnh
Nguyễn Hồng Hạnh



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 23/03/2012 đã thông qua các mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

| STT | Chức danh | Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách | Mức phụ cấp hàng tháng trách nhiệm hàng tháng của người hoạt động kiêm nhiệm (đồng) |
|-----|-----------------------|----------------------------------|---|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 7,30 | 7,30 x Lt x 30% |
| 2 | Ủy viên HĐQT | 6,31 | 6,31 x Lt x 30% |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát | 6,31 | 6,31 x Lt x 30% |
| 4 | Ủy viên Ban kiểm soát | 5,98 | 5,98 x Lt x 30% |

Trong năm 2012 Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lương | Thưởng | Thù lao | Tổng cộng |
|-----|--------------------|------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Đào Hữu Tu (*) | CT HĐQT | | | 18.768.300 | 18.768.300 |
| 2 | Lê Quang Bình (**) | TV HĐQT-GĐ | 130.086.080 | 30.388.000 | 18.210.660 | 178.684.740 |
| 3 | Ngô Ngọc Sơn | CT HĐQT | | | 6.898.500 | 6.898.500 |
| 4 | Nguyễn Văn Dũng | TV HĐQT-GĐ | 153.101.828 | 21.692.000 | 22.185.960 | 196.979.788 |
| 5 | Nông nhật Ba | TV HĐQT | 150.336.511 | 21.969.000 | 22.185.960 | 194.491.471 |
| 6 | Phạm Mạnh Tiến | TV HĐQT | 99.868.962 | 39.387.000 | 22.185.960 | 161.441.922 |
| 7 | Nguyễn Hồng Hạnh | Trưởng BKS | | | 22.185.960 | 22.185.960 |
| 8 | Lã Đại Dương | UV BKS | | | 21.025.680 | 21.025.680 |
| 9 | Nguyễn Xuân Hậu | UV BKS | 84.164.345 | 19.785.000 | 21.025.680 | 124.975.025 |
| | Tổng Cộng | | 617.557.727 | 133.221.000 | 174.672.660 | 925.451.387 |

(*) Miễn nhiệm từ ngày 20/09/2012.

(**) Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên



3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: *(Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).*

Thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056
Email: Congtyepxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

PHIÊN BẢN 2014

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo BCTC được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ
VIỆT BẮC - VINACOMIN**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc vào
Ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN | 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| - Bảng cân đối kế toán | 5 – 7 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8 |
| - Phụ lục 04: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước | 9 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 10 |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | 11 – 24 |

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI
Địa chỉ: xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

Thông tin chung

Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI là doanh nghiệp cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV (nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin) theo quyết định số 2228/QĐ - HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000349 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/01/2008. Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012.

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Thành viên của Hội đồng quản trị

| | |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Ngô Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nông Nhật Ba | Thành viên HĐQT |
| - Ông Phạm Mạnh Tiến | Thành viên HĐQT |

Thành viên của Ban kiểm soát

| | |
|--------------------|----------------------|
| - Nguyễn Hồng Hạnh | Trưởng ban Kiểm soát |
| - Lê Đại Dương | Thành viên |
| - Nguyễn Xuân Hậu | Thành viên |

Thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|-----------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Giám đốc |
| - Ông Nông Nhật Ba | Phó Giám đốc |
| - Ông Lê Bá Chức | Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Tập | Phó Giám đốc |
| - Ông Vũ Ngọc Bách | Phó Giám đốc |
| - Ông Bùi Xuân Hồng | Phó Giám đốc |
| - Bà Lê Thị Thu Hiền | Kế toán trưởng |

Các hoạt động chính của Công ty

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán xi măng và vật liệu xây dựng; Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI
Địa chỉ: xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã được lựa chọn là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên – VVMI.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



NGUYỄN VĂN DŨNG

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 02 năm 2013



Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Số: 24/2013/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 18 tháng 02 năm 2013 từ trang 05 đến trang 24 đính kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

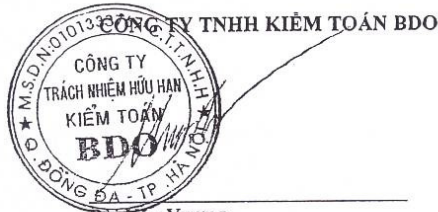
Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Bùi Văn Vương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0780/KTV

Lê Thị Quỳnh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1137/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 100.354.015.260 | 86.793.778.670 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 13.746.047.085 | 19.148.234.985 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 13.746.047.085 | 19.148.234.985 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25.695.737.719 | 29.300.476.597 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 25.332.169.884 | 28.519.739.304 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 47.884.172 | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.02 | 518.708.472 | 955.756.829 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | (203.024.809) | (175.019.536) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.03 | 55.218.760.691 | 36.827.756.869 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 55.218.760.691 | 36.827.756.869 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 5.693.469.765 | 1.517.310.219 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.04 | 5.345.563.050 | 1.481.011.756 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 297.581.134 | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.05 | 50.325.581 | 36.298.463 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 638.259.871.361 | 683.499.009.975 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 631.656.844.415 | 679.288.640.279 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 611.365.822.290 | 659.509.094.588 |
| - Nguyên giá | 222 | | 932.665.194.831 | 998.366.489.313 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (321.299.372.541) | (338.857.394.725) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | 19.018.666.194 | 3.719.166.503 |
| - Nguyên giá | 228 | | 21.458.340.973 | 5.369.087.001 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (2.439.674.779) | (1.649.920.498) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.08 | 1.272.355.931 | 16.060.379.188 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.603.026.946 | 4.210.369.696 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 6.482.075.360 | 4.102.956.256 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.10 | 120.951.586 | 107.413.440 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 738.613.886.621 | 770.292.788.645 |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| (Tiếp theo) | | Đơn vị tính: VNĐ | | |
|---|------------|------------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 640.988.637.289 | 673.989.356.713 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 246.878.088.472 | 197.202.181.048 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.11 | 87.800.000.000 | 117.300.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 151.055.940.580 | 71.427.369.799 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 424.883.425 | 608.899.779 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.12 | 91.545.252 | 5.742.885.033 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 4.108.710.446 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.13 | 183.114.657 | 322.161.196 |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 317 | | 2.132.271.949 | 854.394.912 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 991.620.012 | 711.668.178 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 90.002.151 | 234.802.151 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 394.110.548.817 | 476.787.175.665 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.15 | 394.078.557.508 | 475.514.926.426 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 1.193.257.930 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 31.991.309 | 78.991.309 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 97.625.249.332 | 96.303.431.932 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 97.625.249.332 | 96.303.431.932 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 464.476.156 | 464.476.156 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | (11.284.774.911) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 3.963.346.758 | 3.963.346.758 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 3.146.199.336 | 3.146.199.336 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (9.948.772.918) | 14.184.593 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 738.613.886.621 | 770.292.788.645 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|------------|
| | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | | 3.720.000 | 3.720.000 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | V.01 | | 121,90 | 875,28 |



Nguyễn Văn Dũng
Giám Đốc
Thái Nguyên, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.17 | 646.004.069.816 | 658.791.815.130 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 646.004.069.816 | 658.791.815.130 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.18 | 536.940.596.157 | 500.013.484.761 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 109.063.473.659 | 158.778.330.369 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.19 | 140.440.253 | 776.565.462 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.20 | 63.935.595.947 | 73.243.425.557 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 52.514.728.170 | 66.952.383.924 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 47.682.952.331 | 68.338.039.269 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 17.916.213.916 | 17.631.240.967 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (20.330.848.282) | 342.190.038 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 12.482.709.414 | 1.431.398.634 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2.114.818.643 | 1.593.795.640 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 10.367.890.771 | (162.397.006) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (9.962.957.511) | 179.793.032 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | 165.608.439 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (9.962.957.511) | 14.184.593 |
| 18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | |



Nguyễn Văn Dũng
Giám Đốc
Thái Nguyên, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
PHỤ BIỂU 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
 Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

| ST T | Chỉ tiêu | Mã số | Số còn phải nộp năm trước chuyển qua | Số phát sinh phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số còn phải nộp chuyển sang năm sau |
|---------|-------------------------------|-----------|--|---------------------------------------|------------------------|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 = (1+2-3) |
| I | Thuế | 10 | 5.728.593.302 | 15.404.349.495 | 21.362.054.036 | (229.111.239) |
| 1 | Thuế GTGT hàng bán nội địa | 11 | 2.555.863.777 | 14.360.904.883 | 17.214.349.794 | (297.581.134) |
| - | Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 2.555.863.777 | 14.360.904.883 | 17.214.349.794 | (297.581.134) |
| - | Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | - | - | - | - |
| 2 | Thuế tiêu thụ đặc biệt | 12 | - | - | - | - |
| 3 | Thuế xuất nhập khẩu | 13 | - | - | - | - |
| 4 | Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 14 | 138.882.851 | - | 138.882.851 | - |
| 5 | Thuế thu nhập cá nhân | 15 | 8.926.250 | 149.581.615 | 137.317.460 | 21.190.405 |
| 6 | Thuế tài nguyên | 16 | 44.548.910 | 690.793.871 | 694.963.291 | 40.379.490 |
| 7 | Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 17 | - | 193.169.126 | 193.169.126 | - |
| 8 | Tiền môn bài | 18 | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| 9 | Các loại thuế khác | 19 | 2.980.371.514 | 6.900.000 | 2.980.371.514 | 6.900.000 |
| II | Các khoản phải nộp khác | 30 | 14.291.731 | 353.450.173 | 344.666.547 | 23.075.357 |
| 1 | Các khoản phụ thu | 31 | - | - | - | - |
| 2 | Các khoản phí, lệ phí | 32 | - | - | - | - |
| 3 | Phí bảo vệ môi trường | 33 | 14.291.731 | 353.450.173 | 344.666.547 | 23.075.357 |
| 4 | Các khoản khác | 34 | - | - | - | - |
| | Tổng cộng | 40 | 5.742.885.033 | 15.757.799.668 | 21.706.720.583 | (206.035.882) |



Nguyễn Văn Dũng
 Giám Đốc
 Thái Nguyên, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán Trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

| CHỈ TIÊU | Mã số | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|-------|-------------------|-------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (9.962.957.511) | 179.793.032 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 51.838.214.656 | 56.646.159.725 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 28.005.273 | 150.800.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 62.499 | 2.743.320.218 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (8.111.274.506) | (518.591.355) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 52.514.728.170 | 66.952.383.924 |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 86.306.778.581 | 126.153.865.544 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 3.137.642.502 | 4.876.722.095 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (18.391.003.822) | (5.281.062.929) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 88.388.494.259 | 6.510.133.965 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (6.243.670.398) | (4.805.381.918) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (51.399.177.672) | (66.630.222.728) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (158.338.146) | (528.084.504) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 101.640.725.304 | 60.295.969.525 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (4.206.418.792) | (20.000.739.055) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 8.034.054.546 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 65.819.960 | 518.591.355 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 3.893.455.714 | (19.482.147.700) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 390.866.254.032 | 399.989.328.018 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (501.802.622.950) | (442.017.724.033) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (1.551.741.750) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (110.936.368.918) | (43.580.137.765) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (5.402.187.900) | (2.766.315.940) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 19.148.234.985 | 21.879.340.396 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 35.210.529 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 13.746.047.085 | 19.148.234.985 |



Nguyễn Văn Dũng
 Giám Đốc

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 02 năm 2013

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán Trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI là doanh nghiệp cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV (nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin) theo quyết định số 2228/QĐ - HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000349 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/01/2008. Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất mua bán xi măng và vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản;
- Chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, phụ tùng;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoàn thiện hệ thống xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa;
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô.

Công ty có trụ sở tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 839 người, trong đó số cán bộ quản lý là 65 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN.

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái. Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá 01USD = 20.815 đồng là tỷ giá theo công văn số 29/VINCOMIN-KT ngày 03/01/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ (-) các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ với giá trị xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ đối với nguyên vật liệu chính và sản phẩm xi măng.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: được xác định bằng khối lượng dở dang nhân (x) đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân được xác định dựa trên tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ không tính đến đơn giá bình quân tồn đầu kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Trong năm 2012, Công ty thay đổi thời gian sử dụng ước tính của nhóm nhà cửa vật kiến trúc từ 20 năm thành 25 năm, nhóm phương tiện vận tải từ 8 năm thành 10 năm và một số máy móc thiết bị khác. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

| Tài sản cố định hữu hình | Năm 2012 |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 – 20 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 năm |
| Dụng cụ quản lý | 05 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông, dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa và dự án xây dựng công trình kê chắn đá, đất mà các dự án này chưa hoàn thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Riêng dự án mỏ đá vôi Đồng Chuông đã tạm ghi tăng tài sản cố định vô hình phần đền bù giải phóng mặt bằng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá). Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời cho các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán, được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán là khoản chi phí quảng cáo sản phẩm và các khoản chi phí sửa chữa máy, được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 đến 12 tháng. Tuy nhiên chi phí gạch chịu lửa dùng sửa chữa lò phát sinh trong năm 2012 được Công ty thay đổi lại thời gian phân bổ cho phù hợp với thời gian sử dụng thực tế. Cụ thể như sau:

- Chi phí gạch chịu lửa năm 2011 đang phân bổ với thời gian ước tính là 06 tháng.
- Chi phí gạch chịu lửa năm 2012 đang phân bổ với thời gian ước tính là 08 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí nghiên cứu thị trường, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng vành đai an toàn mỏ đá La Hiên và chi phí sửa chữa được phân bổ trong thời gian 24 tháng. Riêng chi phí sửa chữa gầu xích chuyên Clinker phân bổ 36 tháng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính là các khoản chi phí lãi vay phải trả và chi phí kiểm toán năm 2012.

11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả và các khoản vay ngắn và dài hạn có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá 01USD = 20.815 đồng là tỷ giá theo công văn số 29/VINCOMIN-KT ngày 03/01/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện khi kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán xi măng được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và nhượng bán vật tư phế liệu. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu nhượng bán vật tư phế liệu được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%). Đây là năm thứ 5 Công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền mới theo Thông tư 134/2007/TT – BTC ngày 23/11/2007 (được miễn 02 năm đầu và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo số thuế thu nhập doanh nghiệp của phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại).

Thuế giá trị gia tăng: Thuế suất thuế giá trị gia tăng của sản phẩm xi măng là 10%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cơ quan thuế sẽ kiểm tra quyết toán các loại thuế áp dụng đối với Công ty. Bất kỳ các khoản khác biệt về thuế sẽ được Công ty điều chỉnh số kế toán một cách tương ứng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI
 ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 - DN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán
 Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 1 Tiền | | |
| Tiền mặt (i) | 12.571.653.680 | 13.593.165.251 |
| Tiền gửi ngân hàng (ii) | 1.174.393.405 | 5.555.069.734 |
| Tiền đang chuyển | - | - |
| Tổng cộng | 13.746.047.085 | 19.148.234.985 |
| (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2012 bao gồm | | VNĐ |
| Đồng Việt Nam (VNĐ) | | 12.571.653.680 |
| Tổng | | 12.571.653.680 |
| (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 | | |
| Tiền gửi VNĐ | USD | VND |
| Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên | - | 1.067.710.325 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên | - | 30.904.926 |
| Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Thái Nguyên | - | 4.464.189 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | - | 43.386.523 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên | - | 25.390.094 |
| Tiền gửi USD | 121,90 | - |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên | 121,90 | 2.537.348 |
| Tổng cộng | 121,90 | 1.174.393.405 |
| 2 Các khoản phải thu khác | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Phải thu khác | 518.642.683 | 376.606.829 |
| - Phải thu tiền BHXH+YT+TN (8,5%) của CBCNV | 276.113.335 | 18.821.709 |
| - Phải thu BHXH trả thay lương cho CBCNV | 184.205.246 | 317.916.052 |
| - Thu bồi thường vật chất | 16.500.000 | 15.500.000 |
| - Phải thu khác | 41.824.102 | 24.369.068 |
| Phải trả khác (dư nợ) | 65.789 | 579.150.000 |
| - Phải trả tiền giải phóng mặt bằng | - | 579.000.000 |
| - Phải trả khác | 65.789 | 150.000 |
| Tổng cộng | 518.708.472 | 955.756.829 |
| 3 Hàng tồn kho | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Nguyên vật liệu tồn kho | 50.255.389.376 | 31.224.468.164 |
| Công cụ dụng cụ trong kho | 108.134.044 | 84.277.798 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.845.450.516 | 5.299.559.134 |
| Thành phẩm tồn kho | 9.786.755 | 219.451.773 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 55.218.760.691 | 36.827.756.869 |
| * Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: Không có | | |
| * Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: Không. | | |
| 4 Chi phí trả trước ngắn hạn | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Chi phí quảng cáo thương hiệu | 186.363.722 | 55.243.244 |
| Chi phí sửa chữa lò quay | 828.870.000 | - |
| Chi phí gạch, bê tông chịu lửa sửa chữa lò | 2.305.717.336 | 935.190.451 |
| Bì cầu các loại | 1.408.600.224 | - |
| Chi phí sửa chữa khác | 616.011.768 | 490.578.061 |
| Tổng cộng | 5.345.563.050 | 1.481.011.756 |

| | | |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| 5 Tài sản ngắn hạn khác | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Tạm ứng | 26.325.581 | 12.298.463 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Tổng cộng | 50.325.581 | 36.298.463 |

6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện VT, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 350.929.873.143 | 602.875.568.495 | 44.178.239.675 | 382.808.000 | 998.366.489.313 |
| - Mua trong năm | - | 643.410.000 | - | 319.090.909 | 962.500.909 |
| - Đầu tư XD CB hoàn thành | 1.942.687.168 | - | - | - | 1.942.687.168 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý nhượng bán | (33.646.937.096) | (32.272.790.211) | (2.303.947.252) | (382.808.000) | (68.606.482.559) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 319.225.623.215 | 571.246.188.284 | 41.874.292.423 | 319.090.909 | 932.665.194.831 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 128.577.878.828 | 178.865.549.155 | 31.031.158.742 | 382.808.000 | 338.857.394.725 |
| - Khấu hao trong năm | 12.951.013.641 | 35.412.109.082 | 2.663.355.834 | 21.981.818 | 51.048.460.375 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | (33.646.937.096) | (32.272.790.211) | (2.303.947.252) | (382.808.000) | (68.606.482.559) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 107.881.955.373 | 182.004.868.026 | 31.390.567.324 | 21.981.818 | 321.299.372.541 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 222.351.994.315 | 424.010.019.340 | 13.147.080.933 | - | 659.509.094.588 |
| Tại ngày cuối năm | 211.343.667.842 | 389.241.320.258 | 10.483.725.099 | 297.109.091 | 611.365.822.290 |

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 534.824.783.178 đồng
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.484.964.644 đồng
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ xử lý: 0 đồng

7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | TSCĐ vô hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 3.736.812.563 | 1.632.274.438 | 5.369.087.001 |
| - Mua trong năm | - | - | - |
| - Đầu tư XD CB hoàn thành | 16.089.253.972 | - | 16.089.253.972 |
| - Tăng khác | - | - | - |
| - Thanh lý nhượng bán | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 19.826.066.535 | 1.632.274.438 | 21.458.340.973 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 17.646.060 | 1.632.274.438 | 1.649.920.498 |
| - Khấu hao trong năm | 789.754.281 | - | 789.754.281 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 807.400.341 | 1.632.274.438 | 2.439.674.779 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 3.719.166.503 | - | 3.719.166.503 |
| Tại ngày cuối năm | 19.018.666.194 | - | 19.018.666.194 |

60

| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| 8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | |
| - Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá với Đồng Chuông | 371.501.983 | 15.777.443.203 |
| - Dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa | 231.243.115 | 231.243.115 |
| - Dự án cải tạo đường giao thông nội bộ giai đoạn 2 | 617.917.963 | - |
| - Dự án lập báo cáo KTKT xây dựng công trình kê chắn đá, đất | 51.692.870 | 51.692.870 |
| Tổng cộng | 1.272.355.931 | 16.060.379.188 |
| 9 Chi phí trả trước dài hạn | | |
| - Chi phí nghiên cứu thị trường | 111.836.811 | 782.856.651 |
| - Chi phí đền bù vành đai an toàn mỏ đá La Hiến | 574.621.743 | - |
| - Chi phí sửa chữa gầu xích chuyển Clinker | 1.281.471.801 | - |
| - Chi phí sửa chữa máy làm nguội kiểu ghi | 378.178.603 | - |
| - Chi phí băng tải cao su các loại | 256.313.088 | - |
| - Chi phí sửa chữa xích thủy lực | 253.915.287 | - |
| - Chi phí vật tư thiết bị | 3.625.738.027 | 3.320.099.605 |
| Tổng cộng | 6.482.075.360 | 4.102.956.256 |
| 10 Tài sản dài hạn khác | | |
| Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác tài nguyên | 120.951.586 | 107.413.440 |
| Tổng cộng | 120.951.586 | 107.413.440 |
| 11 Vay và nợ ngắn hạn | | |
| Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (i) | 47.800.000.000 | 55.800.000.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên (ii) | 3.000.000.000 | 14.000.000.000 |
| Vay Công ty tài chính than - khoáng sản Việt Nam (iii) | 20.000.000.000 | 45.500.000.000 |
| Vay Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin (iv) | 17.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Tổng cộng | 87.800.000.000 | 117.300.000.000 |

(i): Chi tiết về khoản vay của ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Hạn mức | Tài sản đảm bảo | Thời hạn trả nợ | Dư nợ gốc 31/12/2011 |
|----------------------------------|---------------------------|----------------|-----------------|---------------------------|-------------------------|
| 15052012/HDTD ngày 15/05/2012 | Theo từng giấy nhận nợ | 60.000.000.000 | (*) | Theo từng giấy nhận nợ | 47.800.000.000 |

(*): Khoản thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà cửa vật kiến trúc, nhà văn phòng, nhà ăn công trình gắn liền với đất, xe ô tô thuộc sở hữu của công ty. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký là 9.156 triệu đồng

(ii): Chi tiết về khoản vay của ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Hạn mức | Tài sản đảm bảo | Thời hạn trả nợ | Dư nợ gốc 31/12/2011 |
|--|---------------------------|----------------|-----------------|---------------------------|-------------------------|
| 70.11.090.848058.TD ngày 20/05/2011 | Theo từng giấy nhận nợ | 20.000.000.000 | (**) | Theo từng giấy nhận nợ | 3.000.000.000 |

(**): Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 06 ô tô tải ben, 1 máy xúc thủy lực bánh xích Hitachi trị giá 1,485 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu bình quân trị giá 53,2 tỷ đồng

(iii): Chi tiết về khoản vay của Công ty tài chính than - khoáng sản Việt Nam

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Hạn mức | Tài sản đảm bảo | Thời hạn trả nợ | Dư nợ gốc 31/12/2011 |
|---|---------------------------|----------------|--|---------------------------|-------------------------|
| 21/2012- KH/CFM/TDHM ngày 22/6/2012 | Theo từng giấy nhận nợ | 50.000.000.000 | Do Công ty mẹ bảo lãnh theo cam kết số 535/CMV ngày 28/03/2012 | Theo từng giấy nhận nợ | 20.000.000.000 |

61

(iv): Chi tiết về khoản vay của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Hạn mức | Tài sản đảm bảo | Thời hạn trả nợ | Dư nợ gốc 31/12/2011 |
|---|---------------------------|----------------|-----------------|------------------------|-------------------------|
| 14/HĐ-2011 ngày 01/11/ | Theo từng giấy nhận nợ | 2.000.000.000 | Không | | 2.000.000.000 |
| 07/HĐ-2012 ngày 05/06/ | Theo từng giấy nhận nợ | 15.000.000.000 | Không | | 15.000.000.000 |
| 12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Thuế GTGT | | | | - | 2.555.863.777 |
| Thuế TNDN | | | | - | 138.882.851 |
| Thuế thu nhập cá nhân | | | | 21.190.405 | 8.926.250 |
| Thuế tài nguyên | | | | 40.379.490 | 44.548.910 |
| Các loại thuế khác | | | | 6.900.000 | 2.980.371.514 |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | | | | 23.075.357 | 14.291.731 |
| Tổng cộng | | | | 91.545.252 | 5.742.885.033 |
| 13 Chi phí phải trả | | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Trích trước chi phí lãi vay | | | | 159.834.657 | 322.161.196 |
| Chi phí kiểm toán | | | | 23.280.000 | - |
| Tổng cộng | | | | 183.114.657 | 322.161.196 |
| 14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| Kinh phí công đoàn | | | | 253.454.541 | 129.251.783 |
| Bảo hiểm xã hội | | | | - | 262.805 |
| Cổ tức phải trả | | | | 63.373.000 | 63.373.000 |
| Phải trả khác | | | | 670.907.839 | 516.918.607 |
| Phải thu khác (dư có) | | | | 3.884.632 | 1.861.983 |
| Tổng cộng | | | | 991.620.012 | 711.668.178 |
| 15 Vay dài hạn | | | | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| - Ngân hàng công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên | | | | 5.006.597.500 | 8.374.696.875 |
| - Ngân hàng Đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên | | | (i) | 25.597.940.000 | 36.013.508.000 |
| - Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên | | | (ii) | 281.953.386.587 | 322.294.444.343 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội | | | | 1.711.325.000 | 1.442.025.000 |
| - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin | | | | 55.991.215.421 | 76.759.115.208 |
| - Công ty MTV tài chính Than - khoáng sản Việt Nam | | | (iii) | 22.818.093.000 | 29.631.137.000 |
| - Vay Tinh úy | | | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Tổng cộng | | | | 394.078.557.508 | 475.514.926.426 |

(i): Chi tiết về khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Tổng số tiền | Dư nợ gốc | Thời hạn vay | Tài sản đảm bảo |
|----------|-------------------------------|----------------|----------------|--------------|----------------------------------|
| 01/08/HĐ | thay đổi theo từng thời kỳ | 49.016.459.839 | 25.271.940.000 | 8/2016 | Tài sản hình thành sau đầu tư |
| 02/10/HĐ | thay đổi theo từng thời kỳ | 1.150.000.000 | 326.000.000 | 07/2013 | Tài sản hình thành sau đầu tư |

(ii): Chi tiết về khoản vay của Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Tổng số tiền | Dư nợ gốc | Thời hạn vay | Tài sản đảm bảo |
|---------------------|------------------------------|-----------------|-----------------|--------------|----------------------------------|
| 43/2008/HĐKT-NHPTPC | VNĐ 8,4%/năm USD 7,8%/năm | 414.780.639.340 | 281.953.386.587 | 11/2016 | Tài sản hình thành sau đầu tư |

(iii) Chi tiết về khoản vay của Công ty MTV Tài chính than khoáng sản Việt Nam

| Hợp đồng | Lãi suất vay | Tổng số tiền | Dư nợ gốc | Thời hạn trả nợ | Tài sản đảm bảo |
|-------------------------|-------------------------------|----------------|----------------|-----------------|----------------------------------|
| 56/2008/VCMF/ HĐTDDH | thay đổi theo từng thời kỳ | 39.879.597.504 | 21.621.420.000 | 09/10/2016 | Tài sản hình thành sau đầu tư |
| 67/2008/VCMF/ HĐTDDH | thay đổi theo từng thời kỳ | 2.587.500.000 | 541.673.000 | 31/12/2013 | Tài sản hình thành sau đầu tư |
| 74/2008/VCMF/ HĐTDDH | thay đổi theo từng thời kỳ | 2.600.000.000 | 450.000.000 | 31/01/2014 | Tài sản hình thành sau đầu tư |
| 73/2007/VCMF/ HĐTDDH | thay đổi theo từng thời kỳ | 1.180.000.000 | 205.000.000 | 31/01/2014 | Tài sản hình thành sau đầu tư |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

| | | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| b Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Chỉ tiêu | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
| Vốn góp của Nhà nước | 51.383.000.000 | 51.383.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 48.617.000.000 | 48.617.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 464.476.156 | 464.476.156 |
| Tổng cộng | <u>100.464.476.156</u> | <u>100.464.476.156</u> |
| (*) : Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: không có. | | |
| (*) : Số lượng cổ phiếu quỹ: không có | | |
| | | |
| c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức | | |
| | <u>Kỳ này</u> | <u>Năm trước</u> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |
| | | |
| d Cổ phiếu | | |
| | <u>31/12/2012</u> | <u>31/12/2011</u> |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu) | 4.861.700 | 4.861.700 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 4.861.700 | 4.861.700 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 10.000.000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu | | |
| | | |
| e Các quỹ của doanh nghiệp | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Quỹ đầu tư phát triển | 3.963.346.758 | 3.963.346.758 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 3.146.199.336 | 3.146.199.336 |
| Tổng cộng | <u>7.109.546.094</u> | <u>7.109.546.094</u> |

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

Đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCD, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh
Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ).

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| 17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu từ bán hàng | 644.982.458.451 | 656.449.077.865 |
| Doanh thu từ cung cấp dịch vụ | 1.021.611.365 | 2.342.737.265 |
| Tổng cộng | 646.004.069.816 | 658.791.815.130 |
| 18 Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 535.937.466.707 | 497.719.607.495 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.003.129.450 | 2.293.877.266 |
| Tổng cộng | 536.940.596.157 | 500.013.484.761 |
| 19 Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 65.819.960 | 518.591.355 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 257.974.107 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 74.620.293 | - |
| Tổng cộng | 140.440.253 | 776.565.462 |
| 20 Chi phí tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 52.514.728.170 | 66.952.383.924 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 11.420.805.278 | 3.547.721.415 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 62.499 | 2.743.320.218 |
| Tổng cộng | 63.935.595.947 | 73.243.425.557 |
| 21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí nguyên vật liệu | 483.160.729.810 | 451.637.574.673 |
| Chi phí nhân công | 56.096.241.560 | 55.984.807.768 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 51.838.214.656 | 56.571.620.525 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.581.290.044 | 20.085.488.271 |
| Chi phí bằng tiền khác | 73.990.604.348 | 83.223.653.684 |
| Tổng cộng | 678.667.080.418 | 667.503.144.921 |

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (không áp dụng)

VIII Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào, các khoản cam kết trong hợp đồng vay, ngắn và dài hạn đã được thuyết minh trong phần vay ngắn, dài hạn.

2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LỆT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng